

Số: 01 /2021/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quy định mức chi cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, cụ thể như sau:



1. Mức chi cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026: Thực hiện theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

(Kèm theo phụ lục)

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử Đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cấp, các ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBNDTP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQ VNTP;
- Ủy ban bầu cử TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, UBNDTP, Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận/huyện;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo TP, Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.



**PHỤ LỤC: MỨC CHI CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **01** /2021/NQ-HĐND ngày **29** tháng **6** năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Quận, huyện	Khối xã, phường, thị trấn	
1	Chi tổ chức hội nghị và chi công tác phí		Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu Hội nghị sử dụng ngân sách địa phương			
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp					
2.1	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Tổ công tác phục vụ bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp					
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	200 000	140 000	140 000	
b	Thành viên tham dự và đại biểu khách mời	đồng/người/buổi	100 000	70 000	70 000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50 000	35 000	35 000	
2.2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử					
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150 000	105 000	105 000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80 000	56 000	56 000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50 000	35 000	35 000	
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Tổ công tác phục vụ bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:					
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200 000	140 000	140 000	
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100 000	70 000	70 000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát như sau:					
c1	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát (các thành viên tham dự và khách mời)	đồng/người/buổi	80 000	56 000	56 000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Quận, huyện	Khối xã, phường, thị trấn	
c2	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ, lãnh đạo)	đồng/người/buổi	50 000	35 000	35 000	
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:					
d1	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử	đồng/người/báo cáo	2 500 000	1 750 000	1 750 000	
d2	Chi tham gia ý kiến của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát:	đồng/người/văn bản	200 000	140 000	140 000	200.000 đồng/người/lần nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/báo cáo
d3	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/người/báo cáo	600 000	420 000	420 000	
4	Chi xây dựng văn bản:					
a	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử					Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà Nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Nghị quyết 157/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng
b	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử):					
b1	Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	đồng/người/văn bản	2 000 000	1 400 000	1 400 000	
b2	Chi tham gia ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/văn bản	200 000	140 000	140 000	200.000 đồng/người/lần nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/báo cáo
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử					
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:					



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Quận, huyện	Khối xã, phường, thị trấn	
a1	Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/người/tháng	2 000 000	1 400 000	1 400 000	Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng theo thực tế; tối đa không quá 5 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất)
a2	Các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp, Thư ký Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/người/tháng	1 800 000	1 260 000	1 260 000	
a3	Các thành viên Ủy ban bầu cử, Tổ trưởng, Tổ phó các tổ giúp việc, thành viên của các tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/người/tháng	1 500 000	1 050 000	1 050 000	
b	Đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân (thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày)	đồng/người/ngày	100 000	70 000	70 000	
c	Trường hợp huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử trên 15 ngày, thực hiện bồi dưỡng theo mức chi tối đa trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	1 500 000	1 050 000	1 050 000	
d	Riêng 02 ngày (ngày trước bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử.	đồng/người/ngày	150 000	105 000	105 000	Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động (Thời gian hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế nhưng tối đa không quá 5 tháng)					
a	Thành viên Ủy ban bầu cử, trưởng, phó các Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, thường trực giúp việc cho Giám đốc Sở Nội vụ	đồng/người/tháng	500 000	350 000	350 000	
b	Các trường hợp khác (được Chủ tịch Ủy ban bầu cử đồng ý bằng văn bản)	đồng/người/tháng	300 000	210 000	210 000	
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:					
a	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/người/buổi	80 000	56 000	56 000	
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60 000	42 000	42 000	
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50 000	35 000	35 000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Quận, huyện	Khối xã, phường, thị trấn	
8	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử thành phố (nếu có):		Thực hiện theo nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.			
9	Chi đóng hòm phiếu:					
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/hòm phiếu.	350 000			
10	Chi khắc dấu:					
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa (mức chi không bao gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu lệ phí khắc dấu vì được miễn theo quy định tại Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện về an ninh trật tự; sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy chứng nhận và đăng ký mẫu dấu; cấp giấy phép mang pháo hoa vào ra Việt Nam; cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC)	đồng/dấu	250 000	175 000	175 000	Trường hợp mức chi khắc dấu cao hơn mức quy định trên phải được Chủ tịch Ủy ban bầu cử thành phố đồng ý bằng văn bản
11	Chi công tác in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử		Chi theo thực tế trên cơ sở quy định về đấu thầu			
12	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:					
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức	đồng/bảng	1 500 000	1 050 000	1 050 000	